

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 16/6/2022
V/v tranh chấp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Đinh Công Luận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị L**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp Ph, xã L, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị N** và ông **Nguyễn Minh T**

Địa chỉ: Ấp Ph, xã L, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Bà L có đơn xin vắng mặt; Bà N, ông T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày: Bà L có làm chủ hui và bà N, ông T tham gia chơi 02 phần (chung) hui, cụ thể:

*** Đây hui thứ nhất:** mở lần đầu ngày 25/6/2018 âm lịch, loại hui 1.000.000đ, một tháng mở hui 01 lần, có 41 chung hui, bà N, ông T tham gia 01 chung; trong danh sách hui ghi tên “vợ 3 T” tại số thứ tự 33. Đóng hui sống 02 lần, đến lần mở hui thứ 3 ngày 25/8/2018 âm lịch, bà N bỏ hui 400.000đ hốt được 24.800.000đ, trừ tiền đầu thảo 500.000đ, bà L đã chung tiền hui cho bà N, ông T là 24.300.000đ. Sau khi hốt hui, bà N, ông T đóng hui chết 13 lần, đến lần mở hui thứ 17 nhằm ngày 25/10/2019 âm lịch

thì không đóng nữa; do đó bà L phải xuất tiền ra đóng thay đến khi mãn hạn là 24 kỳ hạn chết với số tiền 24.000.000đ.

* **Dãy hạn thứ hai:** mở lần đầu ngày 06/10/2018 âm lịch, hạn 1.000.000đ, một tháng mở hạn 01 lần, có 31 chung hạn, bà N, ông T tham gia 01 chung; trong danh sách hạn ghi tên “vợ T” tại số thứ tự 9. Đóng hạn sống 06 lần, đến lần mở hạn thứ 7 ngày 06/4/2019 âm lịch, bà N bỏ hạn 330.000đ và hết được hạn với số tiền 22.080.000đ; trừ tiền đầu thảo 500.000đ, còn lại 21.580.000đ; bà L đã giao đủ tiền cho bà N, ông T. Bà N, ông T đóng hạn chết 07 lần, đến lần mở hạn thứ 15 ngày 06/12/2019 âm lịch thì bà N, ông T ngưng không đóng nữa. Bà L phải xuất tiền ra đóng thay đến khi mãn hạn là 17 kỳ với số tiền 17.000.000đ.

Dãy hạn đã mãn, do đó bà L yêu cầu bà N, ông T trả tiền hạn chết đối với 02 phần hạn với số tiền 41.000.000đ; bà L không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà N, ông T không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:**

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Bà N và ông T đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng bà N, ông T không có ý kiến phản bác lại đối với yêu cầu của bà L. Từ đó, cho thấy bà N, ông T có tham gia chơi hạn do bà L làm chủ hạn và còn nợ lại số tiền hạn như bà L đã yêu cầu. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà N, ông T trả số tiền hạn 41.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L yêu cầu giải quyết tranh chấp hạn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; bà N, ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, bà N, ông T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Dây hụi thứ nhất: mở lần đầu ngày 25/6/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ, một tháng mở hụi 01 lần, có 41 chung hụi, bà N tham gia 01 chung; trong danh sách hụi ghi tên “vợ 3 T” tại số thứ tự 33. Đóng hụi sống 02 lần, đến lần mở hụi thứ 3 ngày 25/8/2018 âm lịch, bà N bỏ hụi 400.000đ hốt được 24.800.000đ, trừ tiền đầu thảo 500.000đ, bà L đã chung tiền hụi cho bà N, ông T là 24.300.000đ. Sau khi hốt hụi xong, bà N đóng hụi chết 13 lần thì ngưng không đóng nữa. Bà N, ông T ngưng đóng hụi từ kỳ mở hụi thứ 17 nhằm ngày 25/10/2019 âm lịch; do đó bà L phải xuất tiền ra đóng thay đến khi mãn hụi là 24 kỳ hụi chết với số tiền 24.000.000đ. Bà L yêu cầu bà N, ông T trả 24.000.000đ.

[3.2] Dây hụi thứ hai: mở lần đầu ngày 06/10/2018 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ, một tháng mở hụi 01 lần, có 31 chung hụi, bà N, ông T tham gia 01 chung; trong danh sách hụi ghi tên “vợ T” tại số thứ tự 9. Đóng hụi sống 06 lần, đến lần mở hụi thứ 7 ngày 06/4/2019 âm lịch, bà N bỏ hụi 330.000đ và hốt được hụi với số tiền 22.080.000đ; trừ tiền đầu thảo 500.000đ, còn lại 21.580.000đ; bà L đã giao đủ tiền cho bà N, ông T. Bà N, ông T đóng hụi chết 07 lần, đến lần mở hụi thứ 15 ngày 06/12/2019 âm lịch thì bà N, ông T ngưng không đóng nữa. Bà L phải xuất tiền ra đóng thay đến khi mãn hụi là 17 kỳ với số tiền 17.000.000đ. Bà L yêu cầu bà N, ông T trả 17.000.000đ.

[3.3] Tổng cộng bà L yêu cầu bà N, ông T trả đối với 02 dây hụi là 41.000.000đ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án thể hiện số tiền cụ thể mà bà L đang yêu cầu bà N, ông T trả; tổng đạt thông báo phiên họp và hòa giải, bà N và ông T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà N, ông T không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà N, ông T không đến Tòa án để trình bày về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Từ đó, cho thấy bà N, ông T có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi và còn nợ lại số tiền hụi như bà L đã yêu cầu. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường quy định:

“Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần họ

Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên”.

[3.4] Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L để buộc bà N, ông T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hụi 41.000.000đ.

[4] Khi khởi kiện, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà N, ông T trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bà N, ông T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch (41.000.000đ x 5%) là 2.050.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 16, 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của chính phủ về họ, họ, biểu, phường;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L đòi nợ hui đối với bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T.

Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị L số tiền 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng).

2/ Về án phí: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 2.050.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm